TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 619/2024/HC-PT
Ngày: 21 - 6 - 2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính; hành vi hành chính trong việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Minh

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đức Thọ

Bà Trần Thị Thúy Hồng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Tiếu Phương Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Phan Văn Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 120/2024/TLPT-HC ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính; hành vi hành chính trong việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất""*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 150/2023/HC-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1486/2024/QĐ-PT ngày 24/5/2024, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Trần Hữu P, sinh năm 1961 (vắng mặt);

Địa chỉ thường trú số B, ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Thanh B, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K (có mặt).

Cùng địa chỉ xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo*: người bị kiện, Ủy ban nhân dân huyện K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Trần Hữu P trình bày:

Năm 1997 Công ty X (C1) hóa giá bán lại cho ông P một căn nhà và đất với chiều ngang 5,5m, dài 25m tọa lạc tại ấp A, xã N, huyện K, tỉnh Kiên Giang, với số tiền 20.000.000 đồng. Sử dụng làm điểm thu mua hải sản, đến năm 2001 làm bờ kè, đổ cát, tráng nền hết hơn 60.000.000 đồng, năm 2009 do làm ăn khó khăn nên cho ông Trần Minh T1 (S) thuê lại sử dụng cho đến nay. Năm 2002 ông P mang toàn bộ giấy tờ đến Phòng Địa chính huyện K xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (CNQSD) đất, nhưng không được cấp giấy, lý do chưa có chủ trương cho cấp giấy vì do đất nằm dưới biển, chỉ cấp cho các hộ có đất phía trên bờ có trồng cây trở lên. Do gia đình chuyển nhà ở, toàn bộ giấy tờ mua hóa giá bị thất lạc, đến năm 2011 ông P có nhờ ông Lê Hoàng K nguyên là giám đốc, ông Huỳnh Thanh H là kế toán C1 xác nhận việc có mua hóa giá đối với căn nhà và đất này.

Tháng 11/2014 được biết có chủ trương cấp giấy CNQSD đất, ông P có đến Ủy ban nhân dân (UBND) xã N đăng ký xin cấp giấy. Đến tháng 9/2015 các cơ quan tham mưu của UBND huyện K có mời đến làm việc về nguồn gốc đất nói trên. Ngày 16/8/2016 ông P nhận được Thông báo số 10 ngày 26/01/2016 của UBND huyện K có nội dung không cấp giấy CNQSD đất và giao cho UBND xã N quản lý. Theo đó ngày 08/8/2016 ông P có đơn khiếu nại và được giải quyết tại Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 có nội dung bác đơn khiếu nại. Ông P tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh K và được nhận Thông báo số 420/TB-UBND ngày 16/12/2017 có nội dung giao cho Chủ tịch UBND huyện K thu hồi hủy bỏ quyết định, đồng thời xem xét giải quyết lại vụ việc theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 10/01/2018 Chủ tịch UBND huyện K ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND có nội dung thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 để giải quyết lại theo quy định của pháp luật. Theo đó ông P gửi đơn đến UBND xã N tiếp tục xin cấp giấy và nhận được Thông báo số

23/UBND-CCĐC ngày 05/4/2018 có nội dung không cấp giấy CNQSD đất với lý do đất nằm trong quy hoạch và giấy tờ mua bán chưa rõ ràng, nên ông P tiếp tục khiếu nại. Ngày 14/12/2018 tại buổi đối thoại, Chủ tịch UBND huyện K kết luận theo chứng cứ ông P cung cấp chưa rõ ràng, yêu cầu phải liên hệ với cơ quan cũ tìm lại hồ sơ cũng như xác nhận của những người có liên quan biết sự việc để cung cấp cho cơ quan chuyên môn và UBND huyện K yêu cầu giải quyết lại.

Ngày 15/01/2019 ông P nhận được Quyết định số 1067/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện K có nội dung không công nhận nội dung khiếu nại. Tháng 2/2019 ông P cung cấp các giấy xác nhận mua bán giữa ông P với C1 gửi đến bộ phận một cửa của UBND huyện K. Đến tháng 6/2019 ông P nhận được thông tin việc không cấp giấy CNQSD đất lý do đất quy hoạch làm đường ngang đảo. Tháng 10/2020 ông P nhận được phương án bồi thường và phiếu tham khảo của Hội đồng bồi thường hỗ trợ, tái định cư của UBND huyện K, nhưng không bồi thường về đất đai, theo đó ông P có liên hệ và gửi yêu cầu đến Ban bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nhưng không được giải quyết. Ngày 10/01/2023 ông P nhận được Quyết định số 1035/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, theo quyết định chỉ bồi thường vật kiến trúc, không bồi thường về đất đai.

Ông P xác định, việc UBND huyện K lấy đất để thực hiện dự án làm đường ngang đảo nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất, không bồi thường đất đai, chỉ bồi thường vật kiến trúc trên đất là chưa phù hợp. Ông Trần Hữu P yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1035/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 của UBND huyện K về việc bồi thường, hỗ trợ hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển KT-XH tại các xã đảo L, A, N, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Hạng mục công trình: Đường ngang đảo H tại xã N, huyện K cho ông Trần Hữu P.

- Buộc UBND huyện K ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ quyền sử dụng đất và công trình vật kiến trúc trên đất cho ông Trần Hữu P.

Tại Văn bản số 177/UBND-KTHT-TN&MT ngày 19 tháng 4 năm 2023 người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện K trình bày:

Vào năm 2018 ông Trần Hữu P yêu cầu cấp giấy CNQSD đất diện tích 143m^2 (kết quả đo đạc thực tế 105,1m^2) với lý do được C2 bán lại năm 1997, với số tiền 20.000/000 đồng. Ngày 05/4/2018 UBND xã N ban hành Công văn số

23/UBND-CCĐC về việc trả lời đơn yêu cầu của ông P có nội dung: Việc xin cấp giấy của ông P là không có cơ sở thực hiện do ông P không cung cấp được giấy tờ mua bán giữa ông P với C1 và từ năm 1997 ông P không sử dụng phần đất này mà cho ông Trần Minh T1 (S) thuê để kinh doanh mua bán. Ngày 15/5/2018 ông P khiếu nại công văn này và đề nghị UBND huyện K xem xét giải quyết cấp giấy chứng nhận cho ông P.

Ngày 14/12/2018 Chủ tịch UBND huyện K tổ chức đối thoại và kết luận: (1) Ông P không cung cấp được các hồ sơ có liên quan như chứng từ mua nhà, đất từ C1; (2) Lãnh đạo công ty C3 (ông Lê Hoàng K) xác nhận bán nhà không bán đất cho ông P vì đất thuộc Nhà nước quản lý. Đồng thời bà Lữ Thị S1 - nguyên là Chủ tịch UBND xã A cũng xác nhận đất trước đây là do Nhà nước quản lý, có thống nhất cho công ty sử dụng nhưng khi không sử dụng thì phải trả lại cho địa phương. Ông P thống nhất theo kết luận của Chủ tịch UBND huyện K và sẽ liên hệ các cơ quan có liên quan để tìm hồ sơ cũ cũng như xác nhận của những người có liên quan và cung cấp cho cơ quan chuyên môn, UBND huyện K để yêu cầu giải quyết lại. Ngày 25/12/2018, UBND huyện K ban hành Quyết định số 1067/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông P có nội dung: Giữ nguyên nội dung công văn số 23/UBND-CCĐC ngày 05/4/2018 của UBND xã N. Không công nhận nội dung khiếu nại của ông P do nội dung khiếu nại không có cơ sở xem xét.

Lý do UBND huyện K không ban hành thông báo thu hồi đất và quyết định thu hồi đất đối với ông P: Căn cứ kết quả giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 1067/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện K do ông P không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013. Vì vậy Quyết định số 1035/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 của UBND huyện K không có nội dung bồi thường, hỗ trợ về đất cho ông P.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 150/2023/HC-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu P đối với nội dung khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1035/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện K về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển KT-XH tại các xã đảo L, A, N, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Hạng mục công trình: Đường ngang đảo H tại xã N, huyện K cho ông Trần Hữu P.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu P.

Xử buộc Ủy ban nhân dân huyện K thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy

định của pháp luật trong việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với diện tích đất 110,7m^2 tọa lạc tại ấp A, xã N, huyện K, tỉnh Kiên Giang khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển KT-XH tại các xã đảo L, A, N, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Hạng mục công trình: Đường ngang đảo H tại xã N, huyện K đối với ông Trần Hữu P, trước đó Ủy ban nhân dân huyện K đã ban hành Quyết định số 1035/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2022 bồi thường vật kiến trúc, hỗ trợ di dời cho ông Trần Hữu P số tiền 202.301.948 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 21/9/2023, người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện K có đơn số 01/UBND-ĐKC về việc kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Huỳnh Thanh B người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng: Phần đất ông P yêu cầu thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, trước đây là đất rừng do Nhà nước quản lý, C1 mượn đất của UBND xã để làm trạm thu mua hải sản, các giấy tờ mượn đất hiện đã thất lạc, sau đó công ty giải thể mới bán hóa giá cho ông P, việc hóa giá đất cho ông P là không hợp pháp, ông P có sử dụng thời gian sau đó bỏ không sử dụng cho người khác thuê. Về việc quản lý Nhà nước đối với diện tích đất này, năm 1998 UBND tỉnh K đã có quyết định giao và cấp giấy cho Ban Quản lý rừng phòng hộ ven biển và Bảo vệ biên giới, đến năm 2012 quy hoạch lại và điều chỉnh một phần ra khỏi rừng, năm 2015 mới bàn giao cho UBND huyện K quản lý. Theo kế hoạch sử dụng đất hàng năm thì đất này quy hoạch đất giao thông và đang thực hiện làm đường ngang đảo. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét các tài liệu chứng cứ nêu trên mà chấp nhận yêu cầu khởi kiện là không đúng pháp luật, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của UBND huyện K, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Về tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung, tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện UBND huyện K kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới làm thay đổi bản chất vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử phù hợp, có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của người bị kiện; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện K trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Người khởi kiện ông Trần Hữu P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng nêu trên.

[2] Xét kháng cáo của người bị kiện:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là UBND huyện K cho rằng, thửa đất này do Nhà nước quản lý, C1 mượn đất của UBND xã N để làm trạm thu mua hải sản, khi giải thể công ty chỉ hóa giá nhà, không hóa giá đất, nếu công ty hóa giá đất là không hợp pháp, ngoài ra còn cho rằng đất ông P không có quá trình sử dụng một thời gian, trường hợp của ông P không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ về đất đai theo khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013, nên không thuộc trường hợp ban hành quyết định thu hồi, quyết định bồi thường, hỗ trợ. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Diện tích đất đo đạc thực tế 110,7m^2 (BL số 61) ông Trần Hữu P khiếu kiện có nguồn gốc trước năm 1993 do C1 sử dụng cất nhà làm trạm thu mua hải sản, năm 1997 công ty sáp nhập vào Công ty X1, nên hóa giá (bán) lại cho ông P - nguyên là Phó Giám đốc của công ty; ông P sử dụng, cải tạo, san lấp, sửa chữa, tiếp tục làm điểm thu mua hải sản, sau đó cho người khác thuê, việc sử dụng đất ổn định, không tranh chấp. Các chứng từ liên quan đến việc hóa giá nhà và đất, ông P trình bày đã thất lạc, nhưng được các ông Lê Hoàng K, ông Nguyễn Hữu C, ông Nguyễn Văn B1, ông Huỳnh Thanh H - nguyên là Giám đốc, Kế toán, Trạm trưởng thu mua của C1, ông Đoàn Văn T2 - nguyên Chủ tịch UBND huyện K, bà Lữ Thị S1 – nguyên là Chủ tịch xã A xác nhận có việc cấp đất cho công ty làm điểm thu mua hải sản, có việc công ty hóa giá nhà, đất cho ông P và việc ông P đã nộp tiền mua hóa giá (BL số 04, 06, 07, 08, 09, 10).

Tòa án cấp sơ thẩm xác định nguồn gốc đất và thời điểm sử dụng đất thì ông P là người trực tiếp quản lý, sử dụng từ năm 1997 (thời điểm nhận hóa giá) liên tục, ổn định, cho đến khi thực hiện dự án đường ngang đảo, có mục đích là đất ở, không tranh chấp là có căn cứ.

[2.2] Người bị kiện cho rằng, từ năm 1998 UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 4041/QĐ-UBND ngày 31/12/1998 về việc giao đất và cấp giấy CNQSD đất cho Ban Quản lý Rừng phòng hộ ven biển và Bảo vệ Biên giới để bảo vệ và phát triển rừng tại huyện K (trong đó có diện tích đất ông P sử dụng). Đến năm 2012 UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 16/8/2012 về việc Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2011 - 2020, thì có điều chỉnh một phần diện tích có mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm ra khỏi đất rừng phòng hộ (trong đó có diện tích đất của ông P) giao cho UBND huyện K để cấp giấy CNQSD đất cho người dân đang sử dụng đất, việc này giữa Ban Q và UBND huyện K có lập biên bản giao đất ngày 09/01/2015.

Trên cơ sở này, theo kế hoạch sử dụng đất hàng năm của UBND huyện K được UBND tỉnh K phê duyệt là đất trồng cây lâu năm, đất giao thông, diện tích đất ông P sử dụng hiện nay là đất phi nông nghiệp, đất phát triển hạ tầng... (đất giao thông) nằm trong dự án đường giao thông ngang đảo thuộc xã N, huyện K, tỉnh Kiên Giang (xã N được tách ra từ xã A thuộc huyện K). Xét về thời điểm sử dụng đất như trên, thì ông P sử dụng đất từ năm 1997, trước ngày UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 4041/QĐ-UBND ngày 31/12/1998, có mục đích sử dụng làm nhà ở, được quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013, có đủ điều kiện được cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Điều 101 Luật Đất đai năm 2013.

[2.3] Khi có chủ trương cấp giấy CNQSD đất cho người dân đang sử dụng đất, ông P đã nhiều lần đăng ký cấp giấy nhưng chưa đưa xem xét, với lý do chưa cung cấp đủ giấy tờ hóa giá nhà và đất, hiện nay đất đã được quy hoạch là đất phi nông nghiệp, đất phát triển hạ tầng...(đất giao thông) nằm trong Dự án đường giao thông ngang đảo thuộc xã N, huyện K, tỉnh Kiên Giang, nên không cấp giấy CNQSD đất, chứ không phải không đủ điều kiện cấp giấy CNQSD đất. Trong khi đó dự án đường ngang đảo có mục đích phát triển kinh tế - xã hội, quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013, lẽ ra trong trường hợp này UBND huyện K phải thực hiện các trình tự, thủ tục về thu hồi đất; về bồi thường, hỗ trợ về đất đai cho ông P theo quy định tại Điều 63, 67, 69, khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và các chính sách về việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của UBND tỉnh K trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư về đất đai cho ông P là chưa đảm bảo quyền lợi của người sử dụng đất, dẫn đến ông P khởi kiện yêu cầu buộc thực hiện hành vi này là có căn cứ.

Việc UBND huyện K cho rằng, thửa đất này do Nhà nước quản lý, C1 mượn đất của UBND xã N để làm trạm thu mua hải sản, khi giải thể công ty chỉ hóa giá nhà, không hóa giá đất, nếu công ty hóa giá đất là không hợp pháp, ngoài ra còn cho rằng đất ông P không có quá trình sử dụng một thời gian, trường hợp của ông P không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ về đất đai theo khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013, nên không thuộc trường hợp ban hành quyết định thu hồi, quyết định bồi thường, hỗ trợ, nhưng người bị kiện không cung cấp được tài liệu, chứng cứ, chứng minh về việc quản lý nhà nước đối diện tích đất này trước thời điểm ông P nhận hóa giá, để không thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, tái định về đất đai cho ông P khi thực hiện dự án làm đường ngang đảo qua diện tích đất của ông P là không có căn cứ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, UBND huyện K; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người bị kiện là UBND huyện K phải chịu án phí hành chính phúc thẩm quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 150/2023/HC-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu P đối với nội dung khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1035/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện K về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển KT-XH tại các xã đảo L, A, N, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Hạng

mục công trình: Đường ngang đảo H tại xã N, huyện K cho ông Trần Hữu P.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu P.

Xử buộc Ủy ban nhân dân huyện K thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật trong việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với diện tích đất 110,7m^2 tọa lạc tại ấp A, xã N, huyện K, tỉnh Kiên Giang khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển KT-XH tại các xã đảo L, A, N, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Hạng mục công trình: Đường ngang đảo H tại xã N, huyện K đối với ông Trần Hữu P, trước đó Ủy ban nhân dân huyện K đã ban hành Quyết định số 1035/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2022 bồi thường vật kiến trúc, hỗ trợ di dời cho ông Trần Hữu P số tiền 202.301.948 đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm, được cấn trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp (do ông Nguyễn Minh T3 nộp) là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0004533 ngày 23/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Đức Thọ **Trần Thị Thúy Hồng** **Nguyễn Đắc Minh**